

Cơ hội và thách thức đối với bảo đảm quốc phòng, an ninh, đối ngoại và gợi mở cho việc thực hiện Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng Cộng sản Việt Nam

TS. LƯU THÚY HỒNG

Học viện Báo chí và Tuyên truyền; Email: luuthuyhong@ajc.edu.vn

Nhận ngày 5 tháng 12 năm 2025; chấp nhận đăng tháng 3 năm 2026.

Tóm tắt: Thời gian qua, Việt Nam đã và đang nỗ lực phát triển ổn định về nhiều mặt, gặt hái những thành quả đáng ghi nhận, nhưng cũng gặp không ít khó khăn do các biến động lớn của thời đại. Điều này tạo ra những cơ hội và thách thức đối với đảm bảo quốc phòng, an ninh và đối ngoại Việt Nam. Bài viết nhận diện bước đầu các cơ hội và thách thức do chuyển biến tư duy của Đảng, những chuyển động của bối cảnh thế giới và nội bộ Việt Nam đem lại. Trên cơ sở đó, tác giả nêu một số gợi mở về tư duy, cách tiếp cận, nhận thức và nguồn lực cho quá trình thực hiện Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng Cộng sản Việt Nam nhằm đảm bảo quốc phòng, an ninh và đối ngoại cho nước ta thời gian tới.

Từ khóa: cơ hội và thách thức; quốc phòng; an ninh; đối ngoại; thực hiện Văn kiện Đại hội XIV.

Abstract: In recent years, Vietnam has made sustained efforts to achieve stable and multidimensional development, attaining notable achievements while also facing considerable difficulties amid major global transformations. This situation creates both opportunities and challenges for ensuring national defense, security, and foreign affairs. The article initially identifies opportunities and challenges arising from the Party's evolving strategic thinking, changes in the global context, and domestic developments in Vietnam. On that basis, the author proposes several suggestions regarding mindset, approaches, awareness, and resources for implementing documents of the 14th National Congress of the Communist Party of Vietnam, with a view to safeguarding Vietnam's national defense, security, and foreign affairs in the coming period.

Keywords: opportunities and challenges; national defense; security; foreign affairs; implementing documents of the 14th National Party Congress.

1. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn gia tăng gay gắt; cấu trúc quyền lực tái định hình; công nghệ số, dữ liệu lớn và trí tuệ nhân tạo phát triển đến mức khó tưởng tượng, không gian địa chính trị, kinh tế và không gian số đan xen nhau làm xuất hiện những hình thức đấu tranh, can thiệp xung đột mới làm cho biên giới giữa hòa bình và bất ổn trở nên mong manh hơn bao giờ hết; quốc phòng, an ninh, đối ngoại của mỗi quốc gia nói chung và Việt Nam nói riêng vì lẽ đó đứng trước nhiều cơ hội và thách thức. Hơn nữa, sau gần bốn thập kỷ đổi mới, nội lực của Việt Nam có những bước phát triển vượt bậc: vị thế quốc tế ngày càng được nâng cao;

sức mạnh tổng hợp quốc gia được củng cố; chính sách đối ngoại độc lập, tự chủ, đa phương hóa, đa dạng hóa phát huy hiệu quả rõ rệt. Những thành tựu này mở ra thời cơ quan trọng để đất nước tiếp tục hội nhập sâu rộng, tận dụng các nguồn lực quốc tế phục vụ phát triển và hiện đại hóa quốc phòng, an ninh và đối ngoại. Tuy vậy, đất nước cũng đang phải đối diện với những thách thức đặc thù nội tại như nguy cơ tụt hậu về kinh tế, tự chủ chiến lược, diễn biến hoà bình,...

Những cơ hội và thách thức từ bên ngoài và bên trong đối với quốc phòng, an ninh, đối ngoại Việt Nam khá phức tạp về tính chất và diện mạo. Bằng phương pháp phân tích chính sách, phương pháp so sánh, phân tích

tổng hợp và dự báo, bài viết phác thảo những cơ hội thách thức đối với đảm bảo quốc phòng, an ninh, đối ngoại của Việt Nam từ đó đưa ra những gợi mở cho việc thực hiện Văn kiện Đại hội XIV góp phần triển khai chính xác những chỉ đạo chiến lược về quốc phòng, an ninh và đối ngoại của Đảng ta trong thời gian tới.

2. Nội dung

2.1. Những cơ hội và thách thức với đảm bảo quốc phòng, an ninh và đối ngoại của Việt Nam

Thứ nhất, tư duy của Đảng về quốc phòng, an ninh và đối ngoại có những chuyển biến mang tính thời đại là cơ hội lớn cho đảm bảo quốc phòng, an ninh và đối ngoại Việt Nam

Những chuyển biến tư duy của Đảng được thể hiện đặc biệt trong quan điểm về mối quan hệ cũng như về mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể của quốc phòng, an ninh và đối ngoại từ năm 2021 đến nay. Đại hội XIII bàn về mối quan hệ giữa quốc phòng, an ninh và đối ngoại với nhận định: “Chủ động hợp tác và nâng cao hiệu quả hội nhập về quốc phòng, an ninh...” đồng thời “... tiếp tục phát huy vai trò tiên phong của đối ngoại trong việc tạo lập và giữ vững môi trường hoà bình, ổn định...” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2021) thì đến bản Dự thảo dành cho Đại hội XIV, Đảng ta nêu: “... đẩy mạnh hội nhập quốc tế và đối ngoại quốc phòng, an ninh, tích cực tham gia hiệu quả các hoạt động gìn giữ hoà bình của Liên hợp quốc, hỗ trợ nhân đạo, tìm kiếm cứu nạn, cứu trợ thảm hoạ, khắc phục hậu quả chiến tranh...” và “... tiếp tục phát huy vai trò tiên phong của đối ngoại, phối hợp chặt chẽ với quốc phòng, an ninh, ... chủ động ngăn ngừa nguy cơ chiến tranh, xung đột, tạo lập và giữ vững môi trường hoà bình, ổn định, bảo vệ vững chắc tổ quốc” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2025). Bên cạnh đó, mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể của quốc phòng, an ninh và đối ngoại cũng có những thay đổi. Đại hội XIII khẳng định: “Xây dựng Quân đội nhân dân, Công an nhân dân, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, một số quân chủng, binh chủng, lực lượng tiến thẳng lên hiện đại... Xây dựng, phát triển nền công nghiệp quốc phòng, công nghiệp an ninh hiện đại, lưỡng dụng vừa đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc vừa góp phần quan trọng phát triển kinh tế - xã hội” và “... xây dựng nền ngoại giao toàn diện, hiện đại với ba trụ cột là đối ngoại Đảng, ngoại giao nhà nước và đối ngoại nhân dân...” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2021, tr.157-162). Đến năm 2025, Dự thảo văn kiện Đại hội XIV đã phát triển và bổ sung: “Xây dựng Quân đội nhân dân và Công an nhân dân cách mạng, chính quy,

tinh nhuệ, hiện đại tuyệt đối trung thành với Tổ quốc, với Đảng, Nhà nước và nhân dân. Đẩy mạnh đột phá phát triển công nghiệp quốc phòng, công nghiệp an ninh, tự chủ, tự lực, tự cường, lưỡng dụng, hiện đại; nâng cao sức mạnh chiến đấu của lực lượng vũ trang nhân dân trong bảo vệ vững chắc Tổ quốc trước mọi tình huống nhất là chiến tranh công nghệ cao” và “... xây dựng nền ngoại giao toàn diện, hiện đại, chuyên nghiệp với đội ngũ cán bộ có bản lĩnh chính trị vững vàng, phẩm chất đạo đức tốt, trình độ chuyên môn cao” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2025).

Như vậy, tư duy của Đảng có những điểm đáng quan tâm mang tính đổi mới. Ba lĩnh vực quốc phòng, an ninh, đối ngoại được coi là trụ cột “bảo vệ và phát triển” không tách rời nhau, hỗ trợ nhau cùng phát triển để đạt mục tiêu. An ninh phi truyền thống và an ninh con người tiếp tục được đưa vào trung tâm chiến lược quốc gia phù hợp với đặc điểm của thời đại. Tư duy phòng thủ chủ động, “từ sớm, từ xa” mang tính hiện đại, linh hoạt hơn, nhấn mạnh đặc biệt việc xây dựng quân đội, công an, nền ngoại giao với đội ngũ cán bộ có phẩm chất chính trị đặc trưng của Việt Nam. Nét đột phá trong tư duy là khẳng định “thành viên có trách nhiệm” trong quan hệ quốc tế đặc biệt về an ninh cũng như khẳng định tính hiện đại của quân đội và công an phù hợp với xu hướng mới - tự chủ tự lực, tự cường; mở rộng phạm vi và chiều sâu của nguyên tắc đối ngoại theo những biến chuyển của bối cảnh quốc tế và trong nước. Những chuyển biến về tư duy trên là cơ sở vững chắc tạo cơ hội lớn cho Việt Nam triển khai các hoạt động quốc phòng, an ninh và đối ngoại trên thực tế.

Thứ hai, những cơ hội thực tiễn bảo đảm quốc phòng, an ninh và đối ngoại

Đầu tiên là sức mạnh tổng hợp quốc gia của Việt Nam không ngừng gia tăng, tạo nền tảng vững chắc cho đảm bảo quốc phòng, an ninh và đối ngoại. Trong những năm gần đây, kinh tế Việt Nam duy trì đà tăng trưởng ổn định (Nhật Anh, 2025), quy mô nền kinh tế và năng lực cạnh tranh quốc gia được nâng lên; đời sống nhân dân phát triển; môi trường đầu tư được cải thiện rõ rệt. Đây là điều kiện quan trọng để Việt Nam: 1 - tăng cường tự chủ chiến lược; 2 - tăng đầu tư cho hiện đại hóa lực lượng vũ trang, từng bước tiến lên chính quy, tinh nhuệ, hiện đại; 3 - phát triển công nghiệp quốc phòng, công nghiệp an ninh lưỡng dụng, thúc đẩy nghiên cứu, sản xuất các sản phẩm công nghệ cao phục vụ cả mục tiêu quốc phòng và phát triển kinh tế; 4 - nâng cao tiềm lực khoa học - công nghệ; 5 - thúc đẩy nhanh quá trình chuyển đổi số cùng sự hình

thành các trung tâm đổi mới sáng tạo và nguồn nhân lực chất lượng cao. Điều này mở ra cơ hội để Việt Nam trong nâng cao năng lực tác chiến công nghệ cao và năng lực phòng vệ trên các không gian mới; rút ngắn khoảng cách phát triển quốc phòng - an ninh so với các nước khác; tăng mức độ tự chủ công nghệ (như từng bước hình thành hệ sinh thái công nghệ quốc phòng, an ninh do Việt Nam làm chủ, giảm phụ thuộc vào trang thiết bị và giải pháp công nghệ từ bên ngoài); tăng cường tính hiệu quả cho ngoại giao số đặc biệt tạo cơ sở quan trọng cho đàm phán quốc tế khi sở hữu công nghệ mới là con bài mặc cả trong quan hệ quốc tế; tăng cường chủ quyền quốc gia từ đó nâng cao vị thế của quốc gia trên trường quốc tế. Cơ hội này sẽ giúp Việt Nam bứt phá, tạo lợi thế cạnh tranh mới trong bảo vệ Tổ quốc thời đại số, là điều kiện then chốt để thực hiện hiệu quả phương châm “bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa” và là tiền đề để Việt Nam hoạch định cũng như thực hiện chính sách đối ngoại.

Bên cạnh đó, vị thế và uy tín quốc tế của Việt Nam tiếp tục được phát triển, mở rộng không gian chiến lược cho bảo vệ Tổ quốc. Trong thời gian qua, Việt Nam duy trì ổn định chính trị - xã hội, kinh tế tăng trưởng tích cực, đồng thời thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển; đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ quốc tế. Chính sách đối ngoại mềm dẻo nhưng nhất quán, kiên định đã giúp Việt Nam trở thành đối tác tin cậy và thành viên có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế (Bùi Đình Tiếp, 2025), được đánh giá cao tại các diễn đàn khu vực và toàn cầu. Nền tảng uy tín đó đã tạo cho nước ta nhiều cơ hội lớn như: tranh thủ tốt hơn nguồn lực quốc tế về công nghệ, tài chính, đào tạo, chia sẻ kinh nghiệm quản trị quốc phòng - an ninh để phục vụ quá trình hiện đại hóa lực lượng vũ trang và nâng cao năng lực bảo vệ chủ quyền; mở rộng hợp tác an ninh phi truyền thống, nhất là trong đấu tranh phòng, chống tội phạm xuyên quốc gia, khủng bố, an ninh mạng, bảo vệ chủ quyền số và an ninh dữ liệu trong bối cảnh số hóa mạnh mẽ; tham gia sâu vào các cơ chế đa phương về an ninh - đối ngoại, qua đó góp phần định hình luật chơi, bảo vệ lợi ích quốc gia - dân tộc, đồng thời hình thành “lá chắn ngoại giao” hỗ trợ quốc phòng - an ninh từ sớm và từ xa. Đây là những điều kiện thuận lợi để Việt Nam chủ động, linh hoạt và hiệu quả hơn trong xử lý thách thức an ninh, đồng thời củng cố môi trường hòa bình lâu dài phục vụ phát triển đất nước.

Ngoài ra, môi trường quốc tế tạo ra những cơ hội đối

ngoại thuận lợi cho Việt Nam. Khu vực châu Á - Thái Bình Dương có nhiều biến động khó lường với sự cạnh tranh giữa các nước lớn và thay đổi phương thức tập hợp lực lượng đã mở ra dư địa để Việt Nam phát huy hiệu quả chính sách đối ngoại cân bằng, mềm dẻo, linh hoạt nhưng kiên định nguyên tắc, không nghiêng về bên nào, không để bị lôi kéo vào cạnh tranh chiến lược tạo điều kiện đảm bảo quốc phòng, an ninh. Bối cảnh này làm gia tăng dư địa ngoại giao chiến lược, giúp Việt Nam chủ động điều chỉnh quan hệ với các nước lớn (chính sách cân bằng mềm) trên cơ sở lợi ích quốc gia - dân tộc. Việt Nam cũng tranh thủ thúc đẩy hợp tác quốc phòng, an ninh song phương và đa phương đặc biệt trong chia sẻ thông tin, đào tạo, hỗ trợ kỹ thuật, diễn tập chung, gìn giữ hòa bình Liên hợp quốc cũng như đóng góp tích cực vào hòa bình và ổn định khu vực, qua đó xây dựng “vành đai ngoại giao” hỗ trợ quốc phòng và an ninh, tạo thế đan xen lợi ích, giảm thiểu nguy cơ xung đột. Những cơ hội này không chỉ củng cố “sức mạnh mềm” quốc gia mà còn tạo nền tảng quan trọng để bảo vệ Tổ quốc trong môi trường cạnh tranh chiến lược ngày càng gay gắt.

Thứ ba, những thách thức lớn đối với bảo đảm quốc phòng, an ninh và đối ngoại

Cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn diễn biến phức tạp, đa diện và khó dự báo. Thế giới chứng kiến trạng thái cạnh tranh chiến lược gay gắt giữa các trung tâm quyền lực, đặc biệt tại các khu vực trọng điểm như Trung Đông, Ấn Độ Dương, Thái Bình Dương. Mọi điều chỉnh chính sách của các nước lớn về kinh tế, công nghệ, quốc phòng hay an ninh đều có thể tạo ra những tác động tức thời và sâu sắc đối với môi trường tồn tại của Việt Nam. Việt Nam đứng trước nguy cơ bị lôi kéo hoặc gây sức ép trong các vấn đề chính trị, an ninh, kinh tế, công nghệ, khi các nước lớn tìm cách mở rộng ảnh hưởng thông qua các sáng kiến chiến lược hoặc các biện pháp trừng phạt. Cạnh tranh khốc liệt đa tầng nấc giữa các nước lớn làm phức tạp hóa thực thi đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, đòi hỏi Việt Nam phải kiên trì giữ thế cân bằng chiến lược tinh tế để không rơi vào thế lựa chọn bên nào, đồng thời vẫn bảo vệ tối đa lợi ích quốc gia - dân tộc. Tính bất định nhất thời của cạnh tranh nước lớn đòi hỏi nhiệm vụ bảo đảm quốc phòng, an ninh và đối ngoại của Việt Nam thích ứng linh hoạt rất cao.

Thêm vào đó, thách thức an ninh mạng gia tăng mạnh về quy mô, tần suất và mức độ tinh vi tác động trực tiếp đến ổn định quốc gia. An ninh mạng trở thành mặt trận

nóng, là nơi diễn ra sự cạnh tranh chiến lược ngầm giữa các quốc gia. Các chiến dịch tấn công APT ngày càng có tính tổ chức cao, nhắm vào hệ thống thông tin trọng yếu của Chính phủ, năng lượng, tài chính - ngân hàng, giao thông vận tải, y tế và hạ tầng sống còn. Mức độ tinh vi của các cuộc tấn công - kết hợp giữa tấn công kỹ thuật, chiến tranh thông tin và gián điệp mạng - đặt ra yêu cầu nâng cấp mạnh mẽ năng lực phòng vệ mạng quốc gia. Nguy cơ can thiệp từ bên ngoài thông qua không gian mạng vào nền tảng chính trị - xã hội từ xa, không cần hiện diện vật lý nhưng có khả năng gây tác động sâu rộng như: i) Tác động vào nền tảng tư tưởng của Đảng, xuyên tạc chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, bóp méo đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách của Nhà nước, ii) Làm suy giảm niềm tin của nhân dân, kích động bất mãn xã hội, chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc, iii) Gây rối nội bộ, can thiệp vào công tác cán bộ, tấn công cơ sở dữ liệu cán bộ, đánh cắp thông tin nhạy cảm. iv) Làm xói mòn tính ổn định chính trị, tạo môi trường thuận lợi cho “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”. Những nguy cơ này tác động trực tiếp đối với sự ổn định và bền vững của hệ thống chính trị.

Sức ép đối với nhiệm vụ xây dựng lực lượng vũ trang chính quy, tinh nhuệ, hiện đại, đội ngũ ngoại giao chuyên nghiệp, phẩm chất tốt trong điều kiện nguồn lực hạn chế là thách thức không nhỏ cho Việt Nam. Trong khi yêu cầu nhiệm vụ đặt ra ngày càng nặng nề và phức tạp, Việt Nam vẫn phải đối mặt với các rào cản và hạn chế trong quá trình hiện đại hóa lực lượng vũ trang và đội ngũ nhà ngoại giao như: thiếu hụt nhân lực chất lượng cao, đặc biệt trong lĩnh vực công nghệ số, trí tuệ nhân tạo, phụ thuộc tương đối vào công nghệ nguồn, trang thiết bị đặc chủng từ nước ngoài; mức độ tự chủ công nghệ còn hạn chế, cơ chế đãi ngộ, thu hút chuyên gia công nghệ, người tài giỏi chưa tương xứng, khó cạnh tranh với khu vực tư nhân và quốc tế.

Cuối cùng, rủi ro từ chuyển đổi số tác động trực tiếp đến chủ quyền số và quốc phòng, an ninh và đối ngoại quốc gia. Chuyển đổi số mang lại hiệu quả quản trị, nhưng đồng thời mở ra nhiều lỗ hổng và nguy cơ mới như nguy cơ lộ lọt dữ liệu cá nhân và dữ liệu quan trọng, bị thu thập trái phép bởi các nền tảng xuyên biên giới. Hay hệ thống thông tin quan trọng dễ bị tấn công nếu không được thiết kế bảo mật ngay từ đầu. Nguy cơ thất thoát tài sản số, dữ liệu lớn và tài nguyên số ra nước ngoài (Ngọc Lưu, 2025) và sự phụ thuộc vào hạ tầng số của các tập đoàn nước

ngoài, dẫn đến nguy cơ bị gián đoạn hoặc chi phối trong tình huống xung đột gần trực tiếp với chủ quyền số và an toàn của người dân trong môi trường số.

2.2. Một số gợi mở

Đầu tiên cần nhận diện rõ hơn cơ hội và thách thức đối với việc bảo đảm quốc phòng, an ninh, đối ngoại. Văn kiện Đại hội là văn bản có tầm chiến lược mang tính chủ trương. Tuy nhiên để thực hiện Văn kiện thuận lợi, việc nhận diện rõ, cụ thể thời cơ và thách thức trong bối cảnh thế giới, khu vực và Việt Nam là rất quan trọng. Các văn bản của Đảng và Nhà nước khi hiện thực hoá Văn kiện cần khẳng định quan điểm: Việt Nam đang đứng trước thời cơ và thách thức lịch sử trong quá trình phát triển trong đó thời cơ và thách thức đang song hành và tồn tại đan xen, nhấn mạnh các thời cơ và thách thức liên quan đến không gian số, chuyển đổi số, kinh tế số, tự chủ công nghệ quốc phòng, an ninh và an ninh mạng. Cần đề cập cách tiếp cận và nhận thức thống nhất về thời cơ và thách thức đối với việc đảm bảo quốc phòng, an ninh, đối ngoại thông qua làm rõ nội hàm của những thuật ngữ cơ bản sau: chủ quyền quốc gia (bổ sung nội dung xác định không gian mạng là một thành tố cấu thành chủ quyền quốc gia, có vai trò tương đương với không gian đất liền, vùng trời và vùng biển), chủ quyền số, ngoại giao số, tự chủ chiến lược, ... Đồng thời phải làm rõ hơn: nội dung các mối quan hệ quốc phòng, an ninh và đối ngoại; nội hàm “bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa” gắn với không gian mạng, không gian số và môi trường sinh thái, ...

Thứ hai cần tận dụng cơ hội tạo nền tảng đảm bảo quốc phòng, an ninh và đối ngoại. Trong đó, các văn bản tiến hành thực hiện Văn kiện chính thức cần cân nhắc bổ sung các thuật ngữ “đối ngoại quốc phòng”, “an ninh gắn với xây dựng lòng tin chiến lược” trong điều kiện vị thế và uy tín của Việt Nam đang ngày càng được nâng cao. Đối ngoại quốc phòng, an ninh là trụ cột quan trọng để bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa trong môi trường cạnh tranh chiến lược ngày càng phức tạp. Tăng cường xây dựng quan hệ tin cậy chiến lược với các đối tác quan trọng, tạo thế đan xen lợi ích để giảm thiểu xung đột và nâng cao hiệu quả bảo vệ chủ quyền, chia sẻ kinh nghiệm quản trị an ninh quốc nội. Đồng thời, cân nhắc chỉnh sửa, bổ sung giải pháp “tiếp tục hoàn thiện hệ thống thể chế, pháp luật về quốc phòng, an ninh và đối ngoại trong điều kiện chuyển đổi số theo hướng đồng bộ, linh hoạt và có khả năng dự báo cao để thích ứng với yêu cầu mới, thời cơ mới” trong các văn bản thực thi Văn kiện. Khi triển khai

hoạt động đảm bảo quốc phòng, an ninh và đối ngoại, cần chú ý hoàn thiện cơ chế phối hợp liên ngành trong bảo đảm an ninh quốc gia, đặc biệt giữa quốc phòng - an ninh - đối ngoại (nhà nước, quân - dân, quốc tế) - thông tin - khoa học - công nghệ để tránh trùng lắp, lãng phí và mang tính hình thức. Xây dựng khung pháp lý toàn diện về bảo vệ dữ liệu và an ninh hạ tầng số, gắn với tiêu chuẩn kỹ thuật về bảo vệ hệ thống thông tin quan trọng quốc gia cũng là điều đáng chú ý. Tăng cường công cụ pháp lý để quản lý và kiểm soát hiệu quả các nền tảng xuyên biên giới, bảo đảm tuân thủ pháp luật Việt Nam trong cung cấp dịch vụ số. Hoàn thiện chính sách phát triển công nghiệp quốc phòng, công nghiệp an ninh lưỡng dụng, tạo cơ chế huy động nguồn lực xã hội cho nghiên cứu, ứng dụng công nghệ cao là rất cần thiết.

Trong quá trình thực hiện Văn kiện chính thức, Đảng và Nhà nước nên tập trung hơn nữa vào nội dung xây dựng “thế trận lòng dân” vững chắc - nền tảng của sức mạnh quốc phòng, an ninh trong bối cảnh số hóa xã hội. Trong kỷ nguyên số, yêu cầu đối với xây dựng lòng dân trở nên sâu rộng và đa chiều hơn, cụ thể là phải tăng cường năng lực “miễn dịch số” cho người dân, giúp mỗi công dân có khả năng nhận diện và phản ứng trước tin giả, tin xấu độc và các hành vi lừa đảo trực tuyến. Đẩy mạnh giáo dục quốc phòng - an ninh, trong đó chú trọng kiến thức về an ninh mạng, an ninh phi truyền thống, an toàn thông tin cá nhân và kỹ năng số. Xây dựng văn hóa số an toàn, lành mạnh, phát huy vai trò gia đình, nhà trường và doanh nghiệp trong bảo vệ trẻ em và người dùng trên không gian mạng là yêu cầu cấp bách. Ngoài ra, cần tăng cường công tác tuyên truyền, củng cố niềm tin của nhân dân đối với Đảng, Nhà nước, qua đó tạo sự đồng thuận xã hội và sức mạnh nội sinh trong bảo vệ Tổ quốc là giải pháp quan trọng cho việc thực hiện Văn kiện.

Thứ ba cần thống nhất về tư duy và nguồn lực vượt qua thách thức, biến thách thức thành cơ hội cho đảm bảo quốc phòng, an ninh và đối ngoại

Các văn bản cụ thể hoá Văn kiện nên sử dụng những ngôn ngữ giảm áp lực trong điều kiện Việt Nam còn hạn chế về ngân sách, cơ chế, nhân lực khi đề cập đến việc xây dựng nền công nghiệp quốc phòng, công nghiệp an ninh đặc biệt tự chủ, tự lực: Ví dụ có thể sử dụng: bước đầu/ từng bước xây dựng nền công nghiệp quốc phòng, công nghiệp an ninh và ngoại giao số một cách tự chủ, tự lực, ... Cần nhấn mạnh đầu tư cho công nghiệp quốc phòng, an ninh tại các vùng chiến lược của quốc gia. Khi

triển khai, đặc biệt cần nhắc thiết lập hệ thống đo lường - đánh giá hiệu quả bảo đảm quốc phòng, an ninh và đối ngoại, gắn với chỉ tiêu phát triển bền vững để theo dõi tiến độ chuyển từ văn kiện sang thực tiễn. Trong bối cảnh các hình thức tấn công mạng ngày càng tinh vi và mang tính chiến lược, việc xây dựng lực lượng chuyên trách mạnh (có chuyên môn sâu về trí tuệ nhân tạo, mật mã, phân tích dữ liệu lớn, an toàn thông tin và tác chiến điện tử) là yêu cầu cấp bách, hiện đại hóa toàn diện năng lực tác chiến quốc phòng, an ninh và ngoại giao bao gồm công cụ giám sát, phân tích, dự báo, kiểm soát và phản ứng nhanh, đẩy mạnh hợp tác công - tư, huy động nguồn lực từ doanh nghiệp công nghệ, tổ chức nghiên cứu để xây dựng hệ sinh thái quốc phòng, an ninh và đối ngoại quốc gia vừa chặt chẽ vừa hiện đại là yêu cầu lâu dài.

3. Kết luận

Việt Nam đang đứng trước những thời cơ mang tính chiến lược để nâng cao tiềm lực quốc phòng, an ninh, tăng cường vị thế đối ngoại, góp phần củng cố môi trường hòa bình, ổn định phục vụ phát triển đất nước. Đồng thời, những thách thức thời đại cũng xuất hiện với tính chất đa chiều, phức tạp và khó dự báo hơn. Điều này đòi hỏi tư duy chiến lược sắc bén, tầm nhìn dài hạn, cùng sự vào cuộc đồng bộ, quyết liệt của cả hệ thống chính trị Việt Nam. Trong năm năm tới, việc nhận diện đầy đủ, tận dụng hiệu quả các cơ hội mới, vượt qua thách thức bằng những định hướng chính xác của Đảng, nguồn nhân lực chất lượng cao và khả năng tự chủ chiến lược của đất nước, chắc chắn sẽ giúp Việt Nam vững bước trong kỷ nguyên mới./

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nhật Anh. (2025). *Việt Nam giữ được đà tăng trưởng liên tục, trở thành điểm sáng của khu vực châu Á - Thái Bình Dương*. <https://baohinhphu.vn/viet-nam-giu-duoc-da-tang-truong-lien-tuc-tro-thanh-diem-sang-cua-khu-vuc-chau-athai-binh-duong-102251023155853587.htm>
2. Ngọc Lưu. (2025). *Phụ thuộc chip nước ngoài khiến Việt Nam có nguy cơ thất thoát dữ liệu*, Tạp chí điện tử đầu tư Tài chính, <https://vietnamfinance.vn/phu-thuoc-chip-nuoc-ngoai-khien-viet-nam-co-nguy-co-that-thoat-du-lieu-d131472.html>
3. Đảng Cộng sản Việt Nam. (2021). *Văn kiện Đại hội XIII*. Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, T.1. tr162.
4. Đảng Cộng sản Việt Nam (2025). *Dự thảo Báo cáo Chính trị của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII tại Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng*, ngày 14 tháng 10 năm 2025, tr35, 36, 37.
5. Bùi Đình Tiếp. (2025). “Chọn chính nghĩa, không chọn bên”: Chính sách đối ngoại nhất quán, đúng đắn của Việt Nam, *Tạp chí Cộng sản*, https://www.tapchicongsan.org.vn/web/guest/dau-tranh-phan-bac-cac-luan-dieu-sai-trai-thu-dich/chi-tiet/-/asset_publisher/YqSB2JpnYto9/content/-chon-chinh-nghia-khong-hon-ben-chinh-sach-doi-ngoai-nhat-quan-dung-dan-cua-viet-nam,